

TTĐT 21

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 51/2021/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 01 tháng 4 năm 2021

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ

ĐẾN Giờ: C.....
Ngày: 02/4/2021.

NGHỊ ĐỊNH

Về quản lý khoáng sản tại các khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Chính phủ ban hành Nghị định về quản lý khoáng sản tại các khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định việc khoan định, phê duyệt, điều chỉnh khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia; thời gian dự trữ khoáng sản quốc gia; quản lý, bảo vệ khoáng sản và thực hiện các dự án đầu tư phát triển kinh tế - xã hội (sau đây gọi chung là dự án đầu tư) tại khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng đối với cơ quan quản lý nhà nước về khoáng sản và các tổ chức, cá nhân có liên quan đến khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia.

Chương II

KHOANH ĐỊNH, PHÊ DUYỆT, ĐIỀU CHỈNH KHU VỰC DỰ TRỮ KHOÁNG SẢN QUỐC GIA VÀ THỜI GIAN DỰ TRỮ KHOÁNG SẢN QUỐC GIA

Điều 3. Khoanh định khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia

1. Việc khoan định khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia phải đáp ứng quy định tại khoản 1 Điều 29 Luật Khoáng sản và không thuộc quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản.

2. Việc xác định thời gian dự trữ khoáng sản quốc gia theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Nghị định này được thực hiện như sau:

a) Thời gian dự trữ tối đa theo quy định đối với các khu vực có lợi thế về điều kiện tự nhiên để phát triển các dự án du lịch nghỉ dưỡng theo quy hoạch hệ thống du lịch; để phát triển các dự án công nghiệp thân thiện với môi trường theo quy hoạch ngành quốc gia có liên quan;

b) Đối với các khu vực không thuộc quy định tại điểm a khoản này, thời gian dự trữ khoáng sản được xác định theo yêu cầu huy động khoáng sản để thăm dò, khai thác đáp ứng nhu cầu sử dụng khoáng sản phục vụ phát triển các ngành kinh tế - xã hội trong từng thời kỳ của Chiến lược khoáng sản và quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản liên quan.

3. Khu vực có khoáng sản được khoanh định là khu vực dự trữ quốc gia phải thể hiện các nội dung chính sau đây:

a) Loại khoáng sản; tọa độ các điểm góc, diện tích, mức sâu của khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia;

b) Số lượng tài nguyên, trữ lượng của khu vực khoáng sản dự trữ khoáng sản quốc gia;

c) Thời gian dự trữ khoáng sản.

Điều 4. Phê duyệt, điều chỉnh khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia

1. Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các Bộ: Công Thương, Xây dựng và Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tổ chức khoanh định, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, điều chỉnh khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia.

2. Hồ sơ đề nghị phê duyệt khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia gồm:

a) Báo cáo tổng hợp về khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia, trong đó nêu cụ thể thông tin về: mức độ điều tra, đánh giá, thăm dò khoáng sản trong khu vực đề nghị phê duyệt; hiện trạng sử dụng đất, các công trình, dự án trên mặt tại thời điểm khoanh định khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia (nếu có);

b) Tờ trình đề nghị phê duyệt khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia, gồm các thông tin chính sau: loại khoáng sản cần dự trữ; tài nguyên, trữ lượng từng loại khoáng sản cần dự trữ; tọa độ, diện tích, mức sâu, địa danh khu vực được khoanh định là khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia; thời gian dự trữ loại khoáng sản đó;

c) Dự thảo Quyết định phê duyệt khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia;

d) Bản đồ khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia thể hiện các nội dung quy định tại điểm a khoản 3 Điều 3 Nghị định này.

3. Hồ sơ đề nghị điều chỉnh khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia gồm:

a) Tờ trình đề nghị điều chỉnh khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia, gồm các nội dung chính: tài nguyên, trữ lượng loại khoáng sản cần bổ sung hoặc đưa ra khỏi khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia; tọa độ, diện tích, mức sâu, địa danh khu vực đề nghị điều chỉnh; lý do đề nghị điều chỉnh khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia;

b) Dự thảo Quyết định điều chỉnh khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia;

c) Bản đồ khu vực đề nghị điều chỉnh khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia thể hiện các nội dung quy định tại điểm a khoản 3 Điều 3 Nghị định này.

4. Bộ Tài nguyên và Môi trường gửi hồ sơ theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này lấy ý kiến các Bộ: Quốc phòng; Công an; Kế hoạch và Đầu tư; Tài chính; Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có khoáng sản được khoanh định là khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia.

Các bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị góp ý kiến.

Điều 5. Điều chỉnh khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia

Việc điều chỉnh khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia đã phê duyệt được thực hiện một trong các trường hợp sau:

1. Bổ sung vào danh mục khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia khi có phát hiện mới về khoáng sản đáp ứng quy định tại khoản 1 Điều 29 Luật Khoáng sản và khoản 1 Điều 3 Nghị định này.

2. Đưa ra khỏi danh mục một phần hay toàn bộ khu vực khoáng sản đã khoanh định là khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia trong các trường hợp sau đây:

a) Để bổ sung vào quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản có liên quan theo quy định của pháp luật về quy hoạch;

b) Để phục vụ cho mục đích quốc phòng, an ninh; thực hiện các dự án đầu tư thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư hoặc chấp thuận chủ trương đầu tư của Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đảm bảo công khai minh bạch.

Điều 6. Thời gian dự trữ tại khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia

1. Thời gian dự trữ khoáng sản quốc gia tối đa là 50 năm theo quyết định phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ. Trường hợp đặc biệt, đối với một số khu vực, một số loại khoáng sản đặc thù, thời gian dự trữ khoáng sản quốc gia có thể lớn hơn 50 năm nhưng không quá 70 năm, do Thủ tướng Chính phủ quyết định.

2. Trường hợp khi thời gian dự trữ khoáng sản quốc gia đã hết mà chưa có nhu cầu bổ sung khoáng sản thuộc đối tượng dự trữ vào quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản có liên quan thì tiếp tục gia hạn thời gian dự trữ khoáng sản quốc gia. Việc xác định thời gian dự trữ thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 3 và khoản 1 Điều này.

Chương III

QUẢN LÝ, BẢO VỆ KHOÁNG SẢN VÀ THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ TẠI CÁC KHU VỰC DỰ TRỮ KHOÁNG SẢN QUỐC GIA

Điều 7. Quản lý, bảo vệ khoáng sản tại khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia

1. Khoáng sản tại khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia phải được bảo vệ nghiêm ngặt theo quy định của Luật Khoáng sản, Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản và Nghị định này.

2. Trong quá trình thực hiện dự án đầu tư tại các khu vực đã khoanh định là khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia, chủ đầu tư dự án có trách nhiệm:

a) Bảo vệ khoáng sản trong phạm vi khu vực triển khai dự án theo quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Nghiêm cấm lợi dụng việc thực hiện dự án đầu tư, xây dựng công trình để khai thác khoáng sản nằm trong khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia.

3. Trường hợp vi phạm quy định tại điểm b khoản 2 Điều này, ngoài việc bị xử phạt theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực khoáng sản, tùy thuộc vào tính chất, mức độ vi phạm và khối lượng khoáng sản bị khai thác trái phép, chủ đầu tư dự án còn bị đình chỉ có thời hạn việc thực hiện dự án đầu tư hoặc bị thu hồi quyết định chủ trương đầu tư theo quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 8. Thực hiện dự án đầu tư tại khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia

1. Không thực hiện dự án đầu tư sau đây tại khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia:

a) Các dự án đầu tư có mục đích sử dụng đất lâu dài, trừ các công trình hạ tầng kỹ thuật phục vụ lợi ích quốc gia, công cộng;

b) Các công trình xây dựng thuộc cấp công trình đặc biệt, cấp I theo quy định pháp luật về xây dựng, trừ dự án quan trọng quốc gia thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

2. Tổ chức, cá nhân khi lập hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư dự án tại khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia phải có đánh giá tác động, mức độ ảnh hưởng đến tài nguyên, trữ lượng, chất lượng khoáng sản đã được khoanh định là khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia thuộc phạm vi dự án; phải có giải pháp bảo vệ loại khoáng sản thuộc đối tượng dự trữ nêu trong báo cáo nghiên cứu tiền khả thi hoặc báo cáo đề xuất chấp thuận chủ trương đầu tư dự án.

3. Nội dung đánh giá mức độ ảnh hưởng đến tài nguyên, trữ lượng, chất lượng; giải pháp bảo vệ khoáng sản thuộc khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia gồm:

a) Tổng quan tài nguyên khoáng sản thuộc đối tượng dự trữ trong diện tích dự án, bao gồm cả các loại khoáng sản khác về: mức độ điều tra, đánh giá tiềm năng khoáng sản; hiện trạng tài nguyên, trữ lượng và thực trạng hoạt động thăm dò, khai thác khoáng sản (nếu có);

b) Đánh giá mức độ ảnh hưởng do hoạt động của dự án có thể tác động đến tài nguyên, trữ lượng, chất lượng đối với loại khoáng sản thuộc đối tượng dự trữ về: phạm vi tác động đến tài nguyên, trữ lượng, chất lượng khoáng sản;

c) Giải pháp bảo vệ khoáng sản thuộc đối tượng dự trữ nằm trong diện tích dự án: xác định rõ hạng mục công trình có thể tác động trực tiếp đến khoáng sản thuộc đối tượng dự trữ; quy định trách nhiệm của tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan của chủ đầu tư dự án trong việc theo dõi, giám sát và kịp thời báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường đối với trường hợp khi thi công hoặc trong quá trình vận hành dự án mà có tác động trực tiếp đến loại khoáng sản thuộc đối tượng dự trữ để xử lý theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Nghị định này;

d) Cam kết thực hiện nghĩa vụ bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trong phạm vi dự án quy định tại khoản 2 Điều 7 Nghị định này.

4. Thời hạn hoạt động của dự án đầu tư tại khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia không vượt quá thời gian dự trữ còn lại của khu vực có khoáng sản thuộc đối tượng dự trữ đó.

5. Bộ Tài nguyên và Môi trường cho ý kiến về các nội dung quy định tại khoản 3 Điều này đối với các dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, người đứng đầu bộ, cơ quan trung ương theo quy định của pháp luật về đầu tư.

6. Sở Tài nguyên và Môi trường nơi có dự án đầu tư cho ý kiến về các nội dung quy định tại khoản 3 Điều này đối với các dự án mà thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư không thuộc trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này.

7. Cơ quan đăng ký đầu tư dự án đầu tư gửi lấy ý kiến cơ quan quy định tại khoản 5, khoản 6 Điều này. Việc lấy ý kiến về đánh giá mức độ ảnh hưởng đến tài nguyên, trữ lượng, chất lượng; giải pháp bảo vệ khoáng sản thuộc khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia được thực hiện đồng thời trong quá trình lấy ý kiến trước khi trình cơ quan, người có thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư theo pháp luật về đầu tư.

Điều 9. Thu hồi khoáng sản trong phạm vi dự án đầu tư tại khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia

1. Trường hợp khi triển khai thi công các hạng mục công trình của dự án đầu tư tại khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia mà bắt buộc phải san gạt, đào đắp bề mặt địa hình tác động trực tiếp đến khoáng sản dự trữ mà không thể bảo vệ nguyên trạng khoáng sản thuộc diện dự trữ thì có thể xem xét cho phép thu hồi khoáng sản nằm trong phạm vi bị ảnh hưởng của hạng mục công trình đó.

2. Chủ đầu tư dự án có trách nhiệm báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có dự án để gửi văn bản cho Bộ Tài nguyên và Môi trường tổ chức kiểm tra, khoanh định phạm vi khu vực có khoáng sản bị tác động quy định tại khoản 1 Điều này và có văn bản chấp thuận việc thu hồi làm cơ sở Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có dự án đầu tư quyết định việc thu hồi khoáng sản và yêu cầu tổ chức, cá nhân đó thực hiện các nghĩa vụ theo quy định.

3. Tổ chức, cá nhân được phép thu hồi khoáng sản theo quy định tại khoản 2 Điều này có trách nhiệm:

a) Chịu sự kiểm tra của cơ quản lý nhà nước về khoáng sản có liên quan; sự giám sát của Mặt trận tổ quốc Việt Nam tại địa phương và người dân địa phương nơi có dự án;

b) Chỉ thu hồi khoáng sản thuộc phạm vi, khối lượng khoáng sản mà Bộ Tài nguyên và Môi trường đã khoanh định theo quy định của khoản 1, khoản 2 Điều này khi được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có dự án cho phép và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu báo cáo khoáng sản thu hồi trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản và thực hiện các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định;

c) Đăng ký, báo cáo khối lượng khoáng sản thu hồi với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi thực hiện dự án, đồng thời thực hiện các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường trong quá trình thu hồi.

4. Việc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có dự án đầu tư quyết định thu hồi khoáng sản theo quy định tại khoản 2 Điều này được thực hiện theo nguyên tắc sau:

a) Thu hồi khoáng sản được thực hiện đồng thời khi triển khai dự án;

b) Chủ đầu tư dự án đầu tư phải tổ chức thu hồi khoáng sản theo quy định tại khoản 1 Điều này. Trường hợp không tổ chức thu hồi, chủ đầu tư phải đề xuất tổ chức, đơn vị khác để thu hồi và trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định.

5. Hồ sơ và trình tự thủ tục đề nghị thu hồi khoáng sản trong phạm vi dự án đầu tư tại khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia được thực hiện theo quy định về khai thác khoáng sản ở khu vực có dự án đầu tư xây dựng công trình của pháp luật về khoáng sản.

Điều 10. Bồi thường thiệt hại khi thu hồi dự án đầu tư

1. Trường hợp Thủ tướng Chính phủ giảm diện tích khu vực dự trữ, giảm thời gian dự trữ khoáng sản quốc gia để phục vụ cho mục đích quốc phòng, an ninh hoặc dự án quan trọng quốc gia mà ảnh hưởng trực tiếp đến dự án đầu tư thì chủ đầu tư tại khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia được bồi thường, hỗ trợ theo quy định của pháp luật về đất đai, pháp luật khác có liên quan.

2. Nhà nước không chịu trách nhiệm đền bù cho chủ đầu tư dự án đầu tư tại khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia khi đã hết thời gian dự trữ khoáng sản theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

Chương IV

TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC TẠI KHU VỰC DỰ TRỮ KHOÁNG SẢN QUỐC GIA

Điều 11. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

1. Phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường trong việc khoanh định, điều chỉnh, lấy ý kiến về các khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia theo quy định tại khoản 1, khoản 4 Điều 4 Nghị định này.

2. Chỉ đạo các sở, ban ngành có liên quan, Ủy ban nhân dân các cấp thực hiện quản lý, giám sát việc triển khai xây dựng các dự án đầu tư tại khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia; tổ chức bảo vệ khoáng sản chưa khai thác tại khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia theo quy định của pháp luật về khoáng sản và quy định của Nghị định này.

Điều 12. Trách nhiệm của các bộ, cơ quan ngang bộ

1. Bộ Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm:

a) Chủ trì, phối hợp với các Bộ: Công Thương, Xây dựng lập hồ sơ đề nghị phê duyệt, điều chỉnh khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia theo quy định tại Điều 4 Nghị định này;

b) Công khai khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia sau khi được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt hoặc điều chỉnh trên Cổng thông tin điện tử của Chính phủ và Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2. Các Bộ: Công Thương, Xây dựng có trách nhiệm:

a) Phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường khoanh định, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, điều chỉnh khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia theo quy định tại Điều 4 Nghị định này;

b) Chủ trì tổ chức điều chỉnh, bổ sung quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến, sử dụng khoáng sản có liên quan theo quy định của pháp luật về khoáng sản, pháp luật về quy hoạch sau khi được Thủ tướng Chính phủ quyết định điều chỉnh khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia.

3. Các Bộ: Quốc phòng; Công an; Kế hoạch và Đầu tư; Tài chính; Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường trong việc tham gia ý kiến theo quy định tại khoản 4 Điều 4 Nghị định này.

Chương V **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 13. Điều khoản chuyển tiếp

1. Các dự án, cơ sở hoạt động sản xuất, kinh doanh dịch vụ đang hoạt động hợp pháp tại khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục được thực hiện, hoạt động đến hết thời hạn hoạt động của dự án đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép. Trường hợp gia hạn thời gian hoạt động của dự án thì thực hiện theo quy định tại Nghị định này.

2. Các dự án đầu tư dự kiến triển khai tại khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền tiếp nhận trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành mà chưa có quyết định chủ trương đầu tư thì cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm rà soát để bảo đảm thời gian triển khai dự án phù hợp thời gian dự trữ khoáng sản quốc gia theo quy định tại Nghị định này.

Điều 14. Hiệu lực thi hành và tổ chức thực hiện

1. Nghị định này có hiệu lực từ ngày ký ban hành.

2. Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan tổ chức thực hiện Nghị định này.

3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, CN (2b). 110

**TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG**



Nguyễn Xuân Phúc